

Bản án số : 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/6/2019
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Quang;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Khá và bà Lê Thị Thanh Thuận.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Lệ Siêng – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Ngày 18/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 74/2019/TLST- HNGĐ ngày 08/3/2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/5/2019 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Xóm S, thôn N, xã B, TP. T, tỉnh Phú Yên; (Có mặt)

2/ *Bị đơn:* Đỗ Quốc T, sinh năm 1974; Địa chỉ: Xóm S, thôn N, xã B, TP. T, tỉnh Phú Yên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị H trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại nhà cha mẹ chồng ở xã H được 5 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T thường nhậu nhẹt rồi về nhà đánh đập vợ con. Sau đó vợ chồng không sống chung với cha mẹ anh T nữa mà về phía chị H mua đất xây dựng nhà ở tại Thôn N, xã B, TP. T. Khi vợ chồng ra ở riêng anh T vẫn tiếp tục nhậu nhẹt và đánh đập vợ con, chị H có báo cho cha mẹ hai bên và chính quyền địa phương để can ngăn can thiệp, nhưng anh T vẫn không thay đổi. Đến tháng 3/2018 chị H bỏ ra ngoài thuê nhà sống ly thân cho đến nay. Nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không có, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung, cháu Đỗ Nhật N, sinh ngày 23/8/2002 và cháu Đỗ Mỹ Hiền M, sinh ngày 02/3/2005. Hiện tại cháu N do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Cháu M do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H có hỏi ý kiến các cháu, nhưng các cháu không đồng ý đến Tòa án để trình bày nguyện vọng muốn sống chung với cha/mẹ, các cháu vẫn muốn sống như hiện tại, nên chị H không yêu cầu Tòa giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt nên Tòa không tiến hành hòa giải được. Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa:

-Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như nội dung đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn Đỗ Quốc T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên theo quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên vào năm 2001 là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay chị H và anh T không còn sống chung, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Tòa chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung, cháu Đỗ Nhật N, sinh ngày 23/8/2002 và cháu Đỗ Mỹ Hiền M, sinh ngày 02/3/2005. Hiện tại cháu N do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà của vợ chồng anh T; Cháu M do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà chị H thuê ở tại TP. T. Chị H không yêu cầu Tòa giải quyết về con chung, nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị H phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình và phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm sự ổn định học tập, sinh sống và quyền lợi về mọi mặt cho các cháu N và M, nên Tòa chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị H được ly hôn với bị đơn Đỗ Quốc T.

Về con chung: Giao cháu Đỗ Nhật N, sinh ngày 23/8/2002 cho anh Đỗ Quốc T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao giao cháu Đỗ Mỹ Hiền M, sinh ngày 02/3/2005 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu một trong các bên lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người bên còn lại có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người đó.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về phân ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nguyên đơn đã nộp tạm ứng tại phiếu thu số 0012259, ngày 06/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.Tuy Hòa;
- Thi hành án dân sự TP. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Quang